

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2009

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	06 - 07
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	08 - 10
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	12 - 13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	14 - 33
 PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	34 - 36
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	37
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	38 - 39
 PHỤ LỤC 2: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CHI NHÁNH HÀ NỘI	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	40 - 41
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	42
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	43
 PHỤ LỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA TRUNG TÂM SẢN XUẤT THỂ THÔNG MINH	
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	44
 PHỤ LỤC 4: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CNTM	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	45 - 47
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	48
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	49
 PHỤ LỤC 5: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TÍCH HỢP (ITE)	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	50 - 51
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	52
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	53

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông VTC trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính 2009.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Viễn thông VTC (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được thành lập từ việc cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp Nhà nước của Công ty Thiết bị điện thoại là "Trung tâm nghiên cứu sản xuất và bảo dưỡng thiết bị thông tin 1 (VTC1)" theo Quyết định số 618/1999/QĐ-TCCB ngày 08/09/1999 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện. Công ty Cổ phần Viễn thông VTC hiện nay hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 số 056681 ngày 25/03/2009 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn kinh doanh của Công ty:

Vốn điều lệ của Công ty: **40.500.850.000 VND** (Bốn mươi tỷ, năm trăm triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng)

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, trụ sở chính của tổ chức	Số cổ phần
1.	Đại diện vốn nhà nước Đại diện: Trần Việt Tổng Đại diện: Lê Văn Giảng	270B/9/22/5 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình 300/52 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Tổ 31, Phường Bình Thuận, Quận 7, TP.HCM	67.500
2.	Phạm Hoàng Tuấn	03 Phan Đình Phùng, phường 2, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	2.726
3.	Đại diện vốn cổ đông Đoàn Văn Duẩn	H10-D3 Văn Thánh Bắc, phường 15, quận Bình Thạnh, tp. Hồ Chí Minh	2.500
4.	Đỗ Văn Trắc	70 Huỳnh Tịnh Của, phường 8, quận 3, tp. Hồ Chí Minh	1.650
5.	Và 211 cổ đông khác		75.624

Các Công ty con do Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ gồm có:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE)	60,67%	51%	750 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10. tp. Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển công nghệ thông minh (STID)	60%	60%	Lô I-3b-4-a, Đường N6, khu công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, TP.HCM

Số vốn góp vào Công ty Cổ phần Công nghệ Tích Hợp (ITE) có thể bị thay đổi vì đang trong giai đoạn góp vốn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
*(tiếp theo)***Đầu tư vào Công ty liên kết**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ mạng Việt Thành Công (VTC networks)	30%	30%	497/3 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, tp. Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Nghiên cứu, SX và lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Xây dựng, Lắp ráp, bảo dưỡng, sửa chữa, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin
- Chuyển giao kỹ thuật công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Xuất nhập khẩu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kinh doanh các ngành nghề kỹ thuật, dịch vụ khác phù hợp với quy định của Pháp luật Việt Nam;
- Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử và tin học;
- Sản xuất các loại thẻ (card) dùng trong lĩnh vực: tin học, viễn thông, bảo vệ và các ứng dụng khác. In offset;
- In offset, in nhiệt... trên thẻ;
- Viết phần mềm;
- Sản xuất, mua bán sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng các loại thẻ, thiết bị phần cứng, phần mềm phục vụ ứng dụng thẻ. Mua bán camera quan sát, cửa sử dụng khoá điện tử, khoá điện từ, văn phòng phẩm, máy móc và nguyên vật liệu sản xuất thẻ. Đại lý ký gửi hàng hoá
- In offset trên bao bì. Nghiên cứu lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp hỗ trợ vận hành các thiết bị, công trình bưu chính, viễn thông, điện-điện tử, tin học, các động cơ nổ và thiết bị lạnh;
- Cho thuê thiết bị động cơ nổ và thiết bị lạnh;
- Đại lý cung cấp và phát triển các dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ CDMA và PHS (IPAS). Mua bán các loại máy thiết bị đầu cuối dùng cho mạng viễn thông sử dụng công nghệ CDMA và PHS (IPAS);
- Đại lý phân phối sản phẩm cáp và vật liệu viễn thông;
- Tư vấn giám định tổn thất công trình, thiết bị bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Sản xuất lắp ráp, mua bán, sửa chữa điện thoại di động, các thiết bị phần cứng phần mềm của điện thoại di động.
- Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị đầu cuối dùng trong viễn thông;
- Mua bán máy móc thiết bị văn phòng, thiết bị điện, điện tử, tin học, điện lạnh, các loại dùng trong viễn
- Đại lý mua bán hàng hóa;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông internet;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng công trình viễn thông.

Địa chỉ: Lầu 3, số 750, Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 08. 3833 1106

Fax: 08.3830 0253

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2009 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Giảng	Chủ tịch
Ông Trần Viết Tổng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Hưng	Ủy viên
Ông Võ Hùng Tiến	Ủy viên
Ông Cù Lưu Vũ	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Viết Tổng	Tổng giám Đốc
Ông Lê Văn Giảng	Phó Tổng giám Đốc
Ông Nguyễn Quang Hưng	Phó Tổng giám Đốc (bổ nhiệm ngày 01/03/2009)
Ông Phạm Cừ	Phó Tổng giám Đốc (bổ nhiệm ngày 01/03/2009)

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQT/2010 ngày 04/01/2010, Ông Lê Văn Giảng miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/01/2010.

Theo Quyết định số 05/QĐ-HĐQT/2010 ngày 01/02/2010, Ông Nguyễn Quang Hưng miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 04/02/2010.

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2009.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2009 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không; và

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Trần Việt Tống

Tổng giám đốc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2010

Số :/HCM-VAE

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009
của Công ty Cổ phần Viễn thông VTC

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn thông VTC**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2009 được lập ngày 10 tháng 03 năm 2010 của Công ty Cổ phần Viễn thông VTC (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 7 đến trang 33 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 05, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty CP Viễn thông VTC.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở pháp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Viễn thông VTC cho năm tài chính 2009:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty CP Viễn thông VTC giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Trần Quốc Tuấn

Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		79.832.180.699	86.019.563.937
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.383.690.757	4.806.375.121
1 Tiền	111	V.1.	14.383.690.757	4.806.375.121
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.926.529.272	58.404.086.974
1 Phải thu của khách hàng	131		33.852.206.219	36.194.122.617
2 Trả trước cho người bán	132		1.812.951.696	7.579.511.102
3 Phải thu nội bộ	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		10.705.314.779	13.417.740.050
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	874.280.819	1.370.138.171
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(318.224.241)	(157.424.966)
IV Hàng tồn kho	140		14.622.569.232	18.444.417.999
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	14.622.569.232	18.444.417.999
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		3.899.391.438	4.364.683.843
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		68.937.837	196.384.738
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.400.271	353.558.755
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	27.376.850
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		3.825.053.330	3.787.363.500
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		40.544.631.974	27.230.064.261
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		30.728.046.381	22.758.938.336
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	30.670.373.760	20.935.038.756
- Nguyên giá	222		59.528.734.860	47.918.017.212
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.858.361.100)	(26.982.978.456)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.5	57.672.621	99.156.057
- Nguyên giá	228		428.386.950	444.501.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(370.714.329)	(345.345.893)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	-	1.724.743.523
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.485.766.934	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.485.766.934	-
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V..	-	-
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V Lợi thế thương mại	269		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		5.330.818.659	4.471.125.925
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	4.346.540.733	3.659.751.137

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	310.496.690	46.593.552
3. Tài sản dài hạn khác	268		673.781.236	764.781.236
VI Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	270		120.376.812.673	113.249.628.198

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		48.330.332.423	45.944.391.664
I Nợ ngắn hạn	310		44.253.906.870	37.551.252.230
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	22.098.105.019	4.723.416.185
2 Phải trả người bán	312		10.802.770.836	22.092.249.738
3 Người mua trả tiền trước	313		583.399.723	1.094.089.313
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	3.164.035.971	2.669.359.474
5 Phải trả người lao động	315		3.190.605.047	2.767.084.972
6 Chi phí phải trả	316	V.10	2.446.325.943	460.232.458
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	318		291.574.389	499.078.288
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11	1.677.089.942	3.245.741.802
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II Nợ dài hạn	330		4.076.425.553	8.393.139.434
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.12	4.053.092.000	8.377.800.788
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		23.333.553	15.338.646
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		57.872.334.464	55.074.590.143
I Vốn chủ sở hữu	410		57.191.252.447	54.116.496.577
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.14	40.500.850.000	40.500.850.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412	V.14	200.264.000	200.264.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414	V.14	(55.530.000)	(55.530.000)
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(236.565.859)	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		4.069.158.634	3.947.750.129
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		2.166.953.796	2.106.249.543
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.037.194.744	1.414.215.144
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.14	9.508.927.131	6.002.697.761
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		681.082.017	958.093.566
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		681.082.017	958.093.566
2 Nguồn kinh phí	432		-	-

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	14.174.145.786	12.230.646.391
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	120.376.812.673	113.249.628.198

(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		168.676.478	403.176.478
3 Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý		40.000.000	40.000.000
5 Ngoại tệ các loại		116.579	78.486,45
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-
7 Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có		27.853.901.621	26.198.925.551

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Thu Huyền

Trần Viết Tổng

Mẫu B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		101.987.334.527	92.776.811.925
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	71.280
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.15	101.987.334.527	92.776.740.645
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.16	71.469.312.014	65.933.939.000
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		30.518.022.513	26.842.801.645
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17.	635.712.933	672.442.132
7 Chi phí tài chính	22	VI.18.	2.948.288.655	2.924.133.819
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.119.375.452	2.265.869.049
8 Chi phí bán hàng	24		11.159.229.775	10.616.381.571
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.864.998.526	9.126.390.607
10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		6.181.218.490	4.848.337.780
11 Thu nhập khác	31		716.339.010	175.156.386
12 Chi phí khác	32		492.556.001	230.819.193
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		223.783.009	(55.662.807)
14 Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		(461.541.679)	-
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		5.943.459.820	4.792.674.973
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.306.958.963	1.069.990.668
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(310.496.690)	(46.593.552)
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60=50-51-52)	60		4.946.997.547	3.722.684.305
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.047.217.083	888.351.629
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		3.899.780.464	2.880.926.228
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.19	964,21	924,03

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Thu Huyền

Trần Viết Tổng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	5.943.459.820	4.792.674.973
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	2	3.792.819.159	3.539.250.232
- Các khoản dự phòng	3	160.799.275	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	(1.200.957)	(84.048.982)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(298.527.861)	(304.860.017)
- Chi phí lãi vay	6	2.119.375.452	2.265.869.049
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	11.716.724.888	10.208.885.255
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(618.111.770)	12.757.807.692
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	713.130.405	1.271.094.932
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.185.751.706	(13.014.286.502)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.586.635.926)	(1.679.690.300)
- Tiền lãi vay phải trả	13	(2.119.375.452)	(2.255.621.329)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(471.307.753)	(368.697.332)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	13.047.564.381	7.474.832.287
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(16.732.367.635)	(10.568.634.145)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.135.372.844	3.825.690.557
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(10.919.676.522)	(16.968.232.202)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	109.200.000	(22.668.464)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(110.000.000)	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	110.000.000	2.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(4.491.748.830)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	189.327.861	408.197.156
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.621.148.661)	(21.074.452.340)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	20.725.926.420
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	36.898.473.849	19.717.208.458
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(23.857.812.203)	(22.199.073.025)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.184.454.039)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2009***(tiếp theo)*

Đơn vị tính: VND

<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	13.040.661.646	16.059.607.814
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	9.554.885.829	(1.189.153.969)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.806.375.121	5.995.529.090
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	22.429.807	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	14.383.690.757	4.806.375.121

TP.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC**Kế toán trưởng****Tổng giám đốc****Nguyễn Thị Thu Huyền****Trần Viết Tổng**